TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH TRÀ VINH** Bản án số: 440/2023/DS-ST Ngày: 29 -9-2023 "V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Ngọc Quyền**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Lê Văn Bài;**

Bà **Trang Thị Cẩm Nhuần.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Phước Thành**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 192/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2022; về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 476/2023/QĐXXST-DS, ngày 30 tháng 8 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 353/2023/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2023; giữa:

Nguyên đơn: Bà Sơn Thị H, sinh năm 1975 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

Bị đơn: Bà Thạch Thị S, sinh năm 1979 (vắng mặt không có lý do)

Địa chỉ: Ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Thạch Thị Kim L, sinh năm 1982 (vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2/ Thạch Thị H1, sinh năm 1963 (vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

3/ Thạch Thị M, sinh năm 1963 (vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

4/ Thạch Thị P, sinh năm 1978 (vắng mặt không có lý do)

Địa chỉ: ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

5/ Nguyễn Thị H2, sinh năm 1971 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

6/ Thạch Thị Sa N, sinh năm 1966 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

7/ Thạch Thị Sa R, sinh năm 1974 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

8/ Thạch Thị Na R1, sinh năm 1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

9/ Sơn Thị Sa V, sinh năm 1975 (vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

10/ Đinh Thị Phương T, sinh năm 1983 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

11/ Thạch Thị Sa T1, sinh năm 1981 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

12/ Thạch Thị Ú, sinh năm 1984 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

13/ Sơn Thị Thanh D, sinh năm 1987 (vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

14/ Thạch Thị M1, sinh năm 1991(có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

15/ Thạch Thị Sa R2, sinh năm 1978 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

16/ Lưu Thị Mỹ T2, sinh năm 1978 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

17/ Thạch Thị Sa L1, sinh năm 2001 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

18/ Thạch Thị Sa M2, sinh năm 1987 (vắng mặt không có lý do)

Địa chỉ: ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

19/ Kim Thị N1, sinh năm 1972 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các đơn khởi kiện ngày 03-6-2022 trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Sơn Thị H trình bày:

Ngày 21/3/2020 DL, bà có mở các dây hụi loại hụi 5.000.000 đồng, chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không có làm văn bản, bà có giao danh sách hụi viên cho hụi viên theo dõi, nữa tháng khui 01 lần, huê hồng đầu thảo hưởng 1.500.000 đồng/lần hốt, mỗi dây có 15 phần, bà Thạch Thị S tham gia 06 dây (dây 01, dây 4, dây 5, dây 8, dây 18 và dây 19), bà S bỏ thăm hốt hụi hết 06 dây này, hụi đã khui đến lần khui thứ 04, còn lại 11 lần khui mới mãn hụi, cụ thể:

Dây 01: Bà Thạch Thị S tham gia 01 phần, ở lần khui hụi thứ 02 bà S bỏ thăm kêu 3.320.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, bà đã giao tiền cho bà S nhận đầy đủ, không có làm giấy tờ. Sau khi hốt hụi bà S đóng hụi chết đến lần khui thứ 04, bà yêu cầu bà S trả lại tiền hụi đã nhận 11 lần bằng 18.480.000 đồng.

Dây 04: Bà Thạch Thị S tham gia 01 phần, ở lần khui hụi thứ 03 bà S bỏ thăm kêu 3.030.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, bà đã giao tiền cho bà S nhận đầy đủ, không có làm giấy tờ. Sau khi hốt hụi bà S đóng hụi chết đến lần khui thứ 04, bà yêu cầu bà S trả lại tiền hụi đã nhận 11 lần bằng 21.670.000 đồng.

Dây 05: Bà Thạch Thị S tham gia 01 phần, ở lần khui hụi thứ 01 bà S bỏ thăm kêu 1.500.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, bà đã giao tiền cho bà S nhận đầy đủ, không có làm giấy tờ. Sau khi hốt hụi bà S đóng hụi chết đến lần khui thứ 04, bà yêu cầu bà S trả lại tiền hụi đã nhận 11 lần bằng 38.500.000 đồng.

Dây 08: Bà Thạch Thị S tham gia 01 phần, ở lần khui hụi thứ 04 bà S bỏ thăm kêu 3.360.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, bà đã giao tiền cho bà S nhận đầy đủ, không có làm giấy tờ. Sau khi hốt hụi bà S đóng hụi chết đến lần khui thứ 04, bà yêu cầu bà S trả lại tiền hụi đã nhận 11 lần bằng 18.040.000 đồng.

Dây 18: Bà Thạch Thị S tham gia 01 phần, ở lần khui hụi thứ 02 bà S bỏ thăm kêu 3.060.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, bà đã giao tiền cho bà S

nhận đầy đủ, không có làm giấy tờ. Sau khi hốt hụi bà S đóng hụi chết đến lần khui thứ 04, bà yêu cầu bà S trả lại tiền hụi đã nhận 11 lần bằng 21.340.000 đồng.

Dây 19: Bà Thạch Thị S tham gia 01 phần, ở lần khui hụi thứ 03 bà S bỏ thăm kêu 3.190.000 đồng là người trúng thăm hốt hụi, bà đã giao tiền cho bà S nhận đầy đủ, không có làm giấy tờ. Sau khi hốt hụi bà S đóng hụi chết đến lần khui thứ 04, bà yêu cầu bà S trả lại tiền hụi đã nhận 11 lần bằng 19.910.000 đồng.

Tổng cộng các dây hụi nêu trên bà Thạch Thị S phải hoàn trả vốn cho bà với tổng số tiền là 137.940.000 đồng (một trăm ba mươi bảy triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

Bị đơn bà Thạch Thị S đã được triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải hai lần vào các ngày 09-3-2023 và 20-7-2023 nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng cùng có ý kiến trong bản tự khai và các văn bản ý kiến do nguyên đơn cung cấp thể hiện nội dung: Ngày 21/3/2020 DL, bà Sơn Thị H có tổ chức khui các dây hụi, loại hụi 5.000.000 đồng, mỗi dây có 15 phần, bà H úp hụi ở lần khui thứ 05, tất cả các dây hụi trên còn 11 lần khui nữa mới mãn hụi. Sau khi úp hụi chủ hụi và hụi viên có thanh toán xong 11 lần hụi sống ở các dây hụi trên. Tất cả hụi viên còn hụi sống cùng thống nhất để cho bà Sơn Thị H khởi kiện bà Thạch Thị S không có ai yêu cầu gì, để mọi người giải quyết sau với chủ hụi.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp tài liệu chứng có gồm: 06 danh sách hụi viên (photo); 01 chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu đình tên Sơn Thị H (photo); các văn bản ghi ý kiến của hụi viên và bản tự khai của hụi viên còn chưa hốt hụi (photo); chứng cứ Tòa án thu thập gồm: biên bản ghi lời khai của chị Kim Thị Đa N2 là người đại diện của bà Sơn Thị H, 06 biên bản đối chiếu nợ hụi ngày 12/01/2021 giữa bà Thạch Thị S và bà Sơn Thị H, tờ cam kết trả nợ của bà Thạch Thị S ngày 12/3/2021 (photo có đối chiếu bản gốc);

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất và không thống nhất:

Do bà Thạch Thị S vắng mặt từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay nên không xác định được vấn đề các bên đã thống nhất và không thống nhất.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 468 và 471 của Bộ luật dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi biêu phường và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Vị đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị H. Buộc bà Thạch Thị S trả tiền hụi của 11 lần hụi trong 06 dây hụi số 1, 4, 5, 8, 18 và 19 tổng cộng bằng 137.940.000 đồng. Buộc bà Thạch Thị S chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và không có yêu cầu độc lập. Các đương sự không có mặt và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:*

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn bà Sơn Thị H khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi". Đồng thời bị đơn bà Thạch Thị S cư trú tại ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên xác định đây là vụ án dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H2, bà Thạch Thị Sa N, bà Thạch Thị Sa R, chị Thạch Thị Na R1, chị Đinh Thị Phương T, bà Thạch Thị Sa T1, chị Thạch Thị Ú, chị Thạch Thị M1, bà Thạch Thị Sa R2, bà Lưu Thị Mỹ T2, chị Thạch Thị Sa L1, bà Kim Thị N1 có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Bị đơn và những người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị Kim L, bà Thạch Thị H1, bà Thạch Thị P, bà Sơn Thị Sa V, chị Sơn Thị Thanh D, chị Thạch Thị Sa M2 và bà Thạch Thị M đã được triệu tập hợp lệ xét xử lần hai nhưng cả hai lần đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Về nội dung:

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Sơn Thị H yêu cầu bà Thạch Thị S trả lại 11 lần tiền hụi đã nhận tổng cộng bằng 137.940.000 đồng ở các dây hụi số 01, 04, 05, 08, 18 và 19 loại hụi 5.000.000 đồng, mở cùng ngày 21/3/2020 DL, bà Sơn Thị H không yêu cầu tính lãi. Bà Thạch Thị S vắng mặt nên không có ý kiến.

Xét hợp đồng góp hụi giữa bà H với bà S là có thật. Trong năm 2019 và 2020 bà H làm chủ hụi của rất nhiều dây hụi, loại hụi khác nhau trong đó có dây hụi loại hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 21/3/2020 DL có bà Thạch Thị S tham gia góp hụi. Đối với các dây hụi số 1, 4, 5, 8, 18 và 19 bà Thạch Thị S đã hốt. Đến kỳ khui hụi thứ 05 của các dây hụi này nhiều hụi viên không đến khui nên bà H là đầu thảo đã úp hụi. Lý ra sau khi úp hụi bà H và bà S ngồi lại đối chiếu tất cả hụi sống và chết để xác định ai thiếu ai bao nhiêu nhưng hai bên không thực hiện. Do bà H cho rằng bà S còn nợ bà các dây hụi số 1, 4, 5, 8, 18 và 19 nên bà H đã khởi kiện bà S tại Tòa án nhân dân huyện T vào năm 2021. Sau khi thụ lý vụ án giữa bà H và bà S có đối chiếu từng dây hụi và có lập biên bản đối chiếu nợ hụi đối với từng dây hụi này (bút lục 12-17). Bà S có viết cam kết trả nợ cho bà H (bút lục số 10), do thỏa thuận được với nhau và bà S hứa mỗi tháng trả cho bà H 500.000 đồng nên bà H rút đơn khởi kiện tạo điều kiện cho bà S trả dần. Tuy nhiên sau khi bà H rút đơn khởi kiện và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án thì bà S không thực hiện như thỏa thuận, không trả cho bà H khoản tiền nào. Việc vi phạm này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà H nên bà H khởi kiện bà S là có căn cứ.

[4] Ngoài ra các hụi viên cùng tham gia các dây hụi trên đều trình bày các dây hụi mà bà Sơn Thị H khởi kiện đã khui đến lần thứ 04, sang lần 05 bà H úp hụi các phần hụi sống giữa bà Sơn Thị H và hụi viên cũng đã giải thỏa thuận xong, nên mọi người thống nhất không yêu cầu giải quyết, để cho bà Sơn Thị H giải quyết với bà Thạch Thị S.

Từ những cơ sở nhận định trên và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H, bà S có nghĩa vụ trả cho bà H 137.940.000 đồng.

[5] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bị đơn bà Thạch Thị S phải chịu theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà Sơn Thị H không phải chịu án phí.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, 147 và Điều 227, 228, 238, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi biêu phường;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị H.

2. Buộc bà Thạch Thị S trả tiền hụi cho bà Sơn Thị H số tiền 137.940.000đ (một trăm ba mươi bảy triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Buộc bị đơn bà Thạch Thị S phải chịu 6.897.000 đồng án phí dân sự.

Bà Sơn Thị H không phải chịu án phí. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.448.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0011537 ngày 07-11-2022; của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh cho bà Sơn Thị H.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Ngọc Quyền